

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 5 - 2021

V/v ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân.

Bà Nguyễn Thị Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp T2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đỗ Phòng T1, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp T2, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2021 và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Đỗ Phòng T1 chung sống năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng

không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vào thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T1 đánh chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Phòng T1.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thành V, sinh ngày 10/02/1993, Nguyễn Thị Trinh N, sinh ngày 05/02/1995 và Nguyễn Anh G, sinh ngày 27/02/1997. Con chung đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung.

Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án anh Đỗ Phòng T1 trình bày:

Anh và chị T chung sống năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vào thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh đánh chị T. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thành V, sinh ngày 10/02/1993, Nguyễn Thị Trinh N, sinh ngày 05/02/1995 và Nguyễn Anh G, sinh ngày 27/02/1997. Con chung đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo thủ tục tố tụng dân sự, không có vi phạm. Đương sự trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đỗ Phòng T1 là vợ chồng; về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thành V, sinh ngày 10/02/1993, Nguyễn Thị Trinh N, sinh ngày 05/02/1995 và Nguyễn Anh G, sinh ngày 27/02/1997, con chung đã trưởng thành, chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận; ghi nhận chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ Phòng T1; anh T1 cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, theo khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống năm 1992, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 không hợp pháp. Nay chị T có yêu cầu ly hôn nên căn cứ Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đỗ Phòng T1 là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có 03 con chung là Nguyễn Thành V, sinh ngày 10/02/1993, Nguyễn Thị Trinh N, sinh ngày 05/02/1995 và Nguyễn Anh G, sinh ngày 27/02/1997. Con chung đã trưởng thành, chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về tài sản: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chị Nguyễn Thị Ngọc T là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; anh Đỗ Phòng T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đỗ Phòng T1 là vợ chồng.

2. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đỗ Phòng T1 có 03 con chung là Nguyễn Thành V, sinh ngày 10/02/1993, Nguyễn Thị Trinh N, sinh ngày 05/02/1995 và Nguyễn Anh G, sinh ngày 27/02/1997. Con chung đã trưởng thành, chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đỗ Phòng T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Đỗ Phòng T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007215 ngày 26/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng